

Ảnh Hòa Tấn



## Các giải pháp chủ yếu để thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp khi VN gia nhập WTO

TS. NGUYỄN VĂN CHIẾN

**T**rong chiến lược phát triển đất nước, Đảng ta đã xác định là phần đầu đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Sự tăng trưởng của ngành CN trong thời gian tới có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Tuy vậy, tăng trưởng CN trong thời gian tới phải được nhận thức, chỉ đạo theo những yêu cầu mới. Yêu cầu cơ bản tăng trưởng CN trong thời gian tới là phải phát triển bền vững với chất lượng cao hơn gắn với hội nhập kinh tế quốc tế. Để đạt điều đó, cần thực hiện những giải pháp cơ bản sau đây:

### 1. Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu công nghiệp

Cơ cấu công nghiệp được xem

xét ở cả 3 nội dung: cơ cấu ngành, sản phẩm, cơ cấu theo vùng lãnh thổ và theo thành phần kinh tế. Trên cơ sở phân tích nhiều nhân tố, nhất là thị trường và năng lực cạnh tranh hiện tại và dự báo cho thời gian tới, hướng điều chỉnh cơ cấu kinh tế công nghiệp nên theo những định hướng sau đây:

- Nhóm ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và thị trường ổn định bao gồm:

- + Chế biến nông lâm sản trước yêu cầu cạnh tranh ngày càng tăng lên, phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở nước ta cần lưu ý những vấn đề sau đây:

- Kinh doanh nông sản – trong đó khâu công nghiệp chế biến là hoạt động rủi ro cao do sự thay đổi thường xuyên của thị trường và thời

tiết. Do đó, Nhà nước cần có những chính sách phù hợp để khuyến khích các nhà đầu tư phát triển CN chế biến nông sản.

- Nông sản là bộ phận chủ yếu trong chi phí hàng CN chế biến nông sản nhưng sản xuất phân tán, tính không đồng nhất của sản phẩm rất rõ rệt. Vì thế, cần tiếp tục hình thành những vùng sản phẩm tập trung, sử dụng các loại giống mới và công nghệ sản xuất phù hợp để nâng cao tính đồng đều của sản phẩm.

- Yêu cầu càng cao của thị trường về chất lượng và an toàn thực phẩm lại đối mặt với thực trạng phân tán của sản xuất nguyên liệu nên cần chú ý thích đáng đến ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại nhưng qui mô vừa và nhỏ.

- Tạo ra sự liên kết thường

xuân giữa công nghiệp chế biến với sản xuất nguyên liệu và tiêu thụ nông sản đã chế biến.

+ Ngành dệt may cần chú ý những giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tạo thêm nguyên liệu trong nước nhằm tăng thêm giá trị gia tăng, tăng thu ngoại tệ thực do giảm nhập khẩu từ nguyên liệu nước ngoài như bông, vải, phụ liệu. Tuy vậy, cần lưu ý rằng, trong điều kiện mở cửa, cạnh tranh, các doanh nghiệp may chỉ mua bông, vải, phụ liệu sản xuất trong nước khi chất lượng và giá cả không có sự khác biệt với nguyên liệu cùng loại nhập khẩu. Do đó, việc mở rộng qui mô sản xuất bông, dệt vải trong nước phải đi cùng với nâng cao chất lượng, hạ thấp chi phí.

Thứ hai, tăng cường tiếp thị, giảm tỷ lệ gia công trong tổng giá trị sản xuất của ngành.

Thứ ba, tạo ra sự kết hợp giữa qui hoạch phát triển ngành và lãnh thổ của từng vùng. Thực tiễn ở nước ta chứng tỏ, trong những năm đầu đổi mới, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngành dệt may xây dựng ở Hà Nội, TP.HCM có lợi thế rất lớn trong thu hút lao động. Nhưng sau đó, xuất hiện hàng loạt doanh nghiệp may ở các tỉnh có giá nhân công rẻ, giá sinh hoạt thấp nên có ưu thế hơn. Nên chăng, Hà Nội và TP.HCM nên chuyển sang đảm nhiệm khâu dịch vụ thiết kế, mẫu mã, tiêu thụ...?

+ Ngành da giấy: Đây cũng là ngành VN có lợi thế lớn. Nhưng cũng như ngành dệt may, tình trạng sản xuất gia công, nhập khẩu phần lớn nguyên liệu nước ngoài đang làm cho ngành da giấy có giá trị gia tăng thấp và tăng trưởng thiếu bền vững.

+ Ngành lắp ráp cơ điện tử, ngành đóng tàu: Hai ngành này VN cũng có nhiều lợi thế. Sự tăng trưởng vượt bậc của ngành đóng tàu thủy trong thời gian qua chứng tỏ xu hướng chuyển dịch theo lãnh thổ

một số ngành CN từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển.

+ Nhóm ngành tạo cơ sở nền tảng nguyên liệu cho các ngành CN

khác và toàn bộ nền kinh tế. Đây là nhóm ngành bao gồm nhiều ngành CN như điện, dầu khí, than, hoá chất cơ bản, khai khoáng, cơ khí. Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của các ngành CN khác và toàn bộ nền kinh tế, theo dự kiến của Bộ CN, giai đoạn 2006-2010, ngành điện cần đạt mức tăng trưởng sản lượng điện sản xuất hàng năm phải đạt 15 - 17%, ngành hoá chất cơ bản phải đạt tốc độ tăng trưởng 14%/năm, ngành cơ khí phải tăng trưởng bình quân 18 - 20%/năm...

• Nhóm ngành CN có tiềm năng phát triển như linh kiện điện tử, phần mềm, hoá dược, hoá mỹ phẩm, một số dược phẩm từ nguyên liệu trong nước.

Để phát triển nhóm ngành này, ngoài thu hút đầu tư, điều quan trọng nhất là phải đào tạo cho được nguồn nhân lực tương ứng để phát triển. Trước mắt, có thể tạo lập những cơ sở sản xuất trên cơ sở chuyển giao công nghệ, liên doanh với nước ngoài, thay thế một phần hàng nhập khẩu. Sau 2010, chuyển mạnh sang sản xuất theo chiều sâu, hướng vào xuất khẩu là chủ yếu.

Cùng với điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp, phải khẩn trương hoàn thiện qui hoạch và chỉ đạo thực hiện qui hoạch. Có thể hiểu qui hoạch phát triển công nghiệp là việc bố trí, sắp xếp các hoạt động công nghiệp theo lãnh thổ trong thời kỳ dài hạn nhằm cụ thể hoá chiến lược phát triển công nghiệp và là cơ sở cho việc xây dựng và chỉ đạo kế hoạch phát triển CN từng thời kỳ.

Quy hoạch phát triển CN bao giờ cũng xem xét, tính toán cho thời kỳ dài hạn. Do đó, qui hoạch chỉ có thể thực hiện từng bước. Cơ sở quan trọng nhất để thực hiện qui hoạch là triển khai tiến độ thực hiện thông

qua xây dựng và chỉ đạo thực hiện qui hoạch. Cùng trên cơ sở qui hoạch, Nhà nước phải tạo lập cơ cấu đầu tư nhằm thực hiện cơ cấu CN và qui hoạch công nghiệp đã xác định. Để thực hiện được yêu cầu trên, chỉ đạo của Nhà nước phải được thể hiện thông qua thực hiện 2 yêu cầu cơ bản: Một là, kiên quyết điều chỉnh vốn đầu tư của Nhà nước theo qui hoạch, hai là, Nhà nước sử dụng các chính sách, công cụ gián tiếp để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước phát triển công nghiệp theo qui hoạch. Cần lưu ý rằng, trong nền kinh tế thị trường, mọi doanh nghiệp - kể cả doanh nghiệp Nhà nước đều phải tự chịu trách nhiệm, tự bù đắp, bảo toàn vốn, có quyền điều chỉnh cơ cấu kinh doanh linh hoạt. Do đó, việc làm cho hàng ngàn doanh nghiệp công nghiệp và hàng trăm ngàn hộ tiểu thủ công nghiệp nông thôn, thành thị sản xuất kinh doanh theo qui hoạch là công việc không đơn giản.

Ngoài việc chỉ đạo trực tiếp các doanh nghiệp công nghiệp thuộc sở hữu nhà nước với số lượng ngày càng giảm, Nhà nước phải nâng cao trình độ, hiệu lực sử dụng các công cụ kinh tế để hướng doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất qui hoạch là công việc cần thiết nhưng không đơn giản.

## 2. Nâng cao khả năng cạnh tranh của công nghiệp

Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghiệp nói riêng được thể hiện ở những khía cạnh sau đây:

- Vị trí của doanh nghiệp. Đối với một số doanh nghiệp như doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, doanh nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản... vị trí không gian của DN có vai trò rất quan trọng.

- Uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

- Năng lực của doanh nghiệp về

vốn, khoa học, công nghệ, đội ngũ lao động.

- Trình độ phân công, hợp tác kinh doanh.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Khả năng chiếm lĩnh thị trường v.v...

Như vậy, nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp CN là công việc rất phức tạp, đòi hỏi phải giải quyết thường xuyên và lâu dài. Sau đây là những nội dung cơ bản cần thực hiện trong thời gian tới.

+ Kiên quyết thực hiện chương trình cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình của Nhà nước qui định cho ngành công nghiệp. Cần nhận thức rõ thêm rằng, đối với những doanh nghiệp nhà nước không cần nắm 100% vốn, việc cổ phần hoá là biện pháp cơ bản để nâng cao tính chịu trách nhiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Triển khai chủ trương xây dựng và vận hành các tập đoàn kinh tế như tập đoàn điện lực, dầu khí, dệt may, than... Đối với nước ta, đây là mô hình mới, cần được điều chỉnh từng bước qua hoạt động thực tiễn. Yêu cầu cơ bản của việc xây dựng, vận hành các tập đoàn kinh tế là vừa làm tốt nhiệm vụ kinh doanh có lợi nhuận vừa đóng vai trò hạt nhân chủ lực trong phát triển ngành của nền kinh tế.

+ Kịp thời tổng kết mô hình công ty mẹ - con đang triển khai để kịp thời có biện pháp xử lý. Cần lưu ý rằng công ty mẹ - con chỉ là một dạng của mô hình kinh doanh công nghiệp nên cần tránh hiện tượng làm nhất loạt, rập khuôn một cách máy móc.

+ Tạo lập sự liên kết giữa các loại hình doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, hơn 90% doanh nghiệp CN nước ta là doanh nghiệp vừa và nhỏ, liên kết giữa các công ty, trong đó có những công ty lớn làm hạt nhân sẽ

góp phần hạn chế điểm yếu về qui mô nhỏ, năng lực yếu của từng doanh nghiệp.

+ Tư tưởng nhất quán rất quan trọng đối với mọi chính sách của Nhà nước là: doanh nghiệp là lực lượng chủ lực của nền kinh tế. Không có hệ thống doanh nghiệp mạnh thì nền kinh tế nước ta không thể phát triển hiệu quả trong điều kiện hội nhập. Như vậy, nâng cao sức mạnh của hệ thống doanh nghiệp là một trong những yêu cầu cơ bản của các chính sách của Nhà nước đối với phát triển công nghiệp nước ta.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của từng hàng hoá công nghiệp.

Khả năng cạnh tranh của hàng hoá công nghiệp thể hiện ở nhiều khía cạnh. Sau đây là những biểu hiện chủ yếu:

- Đối với chất lượng hàng hoá, trong nền kinh tế thị trường gắn với hội nhập kinh tế quốc tế, chất lượng hàng hoá công nghiệp được cấu thành bởi rất nhiều tiêu chuẩn. Sau đây là những điều cần quan tâm.

+ Theo quan niệm truyền thống, thường chỉ thuần túy cho rằng chất lượng hàng hoá phải đạt yêu cầu "chất lượng hàng hoá cao" hoặc "chất lượng hàng hoá tốt". Theo quan niệm đã được kiểm nghiệm của Trung Quốc thì nên quan niệm chung nhất là "Chất lượng phù hợp với nhu cầu của khách hàng". Trong nền kinh tế thị trường, khách hàng rất đa dạng. Người tiêu dùng - theo mong muốn vĩnh cửu bao giờ cũng mong muốn hàng hoá có chất lượng cao nhưng khả năng thanh toán cho sử dụng hàng hoá lại có giới hạn.

- Tuy từng loại hàng hoá mà khách hàng sẽ đưa ra các tiêu chuẩn khác nhau như tiêu chuẩn ISO, SA 8000 về trách nhiệm xã hội; tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm v.v...

Điều đó đòi hỏi từng doanh nghiệp công nghiệp phải tự đổi mới,

vươn lên để đáp ứng những nhu cầu về chất lượng sản phẩm ngày càng khắt khe.

- Hạ thấp chi phí và giá cả sản phẩm.

Việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp công nghiệp, của các hàng hoá trong công nghiệp phải được xử lý đồng bộ trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

### 3. Huy động và sử dụng hợp lý nguồn vốn cho phát triển công nghiệp

Theo tính toán của Bộ công nghiệp và của một số cơ quan liên quan đến hoạch định chính sách phát triển công nghiệp thì từ 2006 - 2010, nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp và xây dựng cần khoảng 825 - 874 ngàn tỷ đồng. Như vậy, vốn đầu tư cho CN và XD chiếm khoảng 44% vốn đầu tư toàn xã hội và tăng 1,8 lần giai đoạn 2001 - 2010. Trong đó, những tổng công ty lớn của CN có nhu cầu vốn rất lớn. Ví dụ, Tổng công ty điện lực cần 228 ngàn tỷ đồng, tập đoàn than là 31 ngàn tỷ đồng, Tổng công ty thép là 23 ngàn tỷ đồng v.v...

Ngoài ra, theo dự báo của Bộ CN, vốn cho thực hiện hoạt động khuyến công - mà chủ yếu là dành cho hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiểu thủ công nghiệp nông thôn cũng cần được đầu tư hàng trăm tỷ đồng [1].

Để huy động vốn phát triển CN, cần tiếp tục huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước như giai đoạn 2001 - 2005 nhưng phải có những giải pháp phù hợp hơn.

- Đối với vốn từ ngân sách, cần điều chỉnh theo hướng ưu tiên đầu tư cho hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp, giảm thiểu về cơ bản cơ chế "xin cho" đã tồn tại nhiều năm trong cấp vốn ở nước ta. Đối mới hoạt động của quỹ đầu tư phát triển theo hướng nâng cao trách nhiệm của cả cơ quan đầu tư và cơ

quan sử dụng đầu tư. Theo Nghị quyết 36/2004/QH11 của Quốc hội về công tác đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn Nhà nước thì trong thời gian tới cần lưu ý những vấn đề cơ bản sau đây [2]: Rà soát qui hoạch, rà soát, đánh giá hệ thống chính sách đầu tư và xây dựng hiện hành, công tác giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra các công trình, dự án đầu tư.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục xác định rõ thêm chức năng quản lý nhà nước về vốn đầu tư từ ngân sách, phân cấp quản lý, xác định rõ trách nhiệm của người ra quyết định đầu tư và các khâu tiếp theo của toàn bộ quá trình đầu tư. Đồng thời qui định cụ thể về trách nhiệm cá nhân theo nguyên tắc: mỗi khâu của quá trình đầu tư phải có một người chịu trách nhiệm.

+ Đối với tín dụng nhà nước: Cần tiếp tục nâng cao quyền tự chủ của các ngân hàng thương mại nhà nước trong cung cấp tín dụng. Đồng thời xác định rõ trách nhiệm tự bảo toàn vốn, xoá bỏ hiện tượng nhiều năm tồn tại ở VN trong hoạt động của ngân hàng thương mại nhà nước là "cho vay, khoanh, dân và xoá nợ".

+ Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Tăng cường xúc tiến thương mại – đầu tư để tiếp nhận vốn từ các công ty xuyên quốc gia; thúc đẩy phát triển CN hỗ trợ và nâng cấp môi trường đầu tư để thu hút đầu tư.

+ Đối với vốn của dân cư và doanh nghiệp: Để huy động vốn có hiệu quả, ngoài việc thực hiện luật đầu tư chung, luật doanh nghiệp chung, cần phải tạo những điều kiện để nâng cao động lực đầu tư cho doanh nghiệp như thúc đẩy mở rộng thị trường, nâng cao khả năng kinh doanh của dân cư v.v...

#### 4. Nâng cao trình độ KH, CN trong sản xuất công nghiệp

Đây là những giải pháp rất quan trọng đã được triển khai nhiều

năm những kết quả rất hạn chế. Trong thời gian tới, cần triển khai các giải pháp khoa học, công nghệ theo những hướng cơ bản sau :

- Thay đổi cách triển khai nghiên cứu từ "Khoa học, công nghệ vì khoa học, công nghệ" sang "Khoa học, công nghệ vì phát triển kinh tế, xã hội".

- Chuyển từ cách tìm kiếm, triển khai đề tài nghiên cứu như là cách thức tìm kiếm công ăn việc làm, duy trì các cơ sở nghiên cứu đã có sang triển khai nghiên cứu trên cơ sở nhu cầu thực sự của thực tiễn kinh tế. Như vậy, xét trong chiến lược dài hạn, mục đích nghiên cứu khoa học, công nghệ không phải là để nuôi sống các cơ sở nghiên cứu, các nhà khoa học mà là nuôi sống doanh nghiệp, nuôi sống dân cư.

Như vậy, tiêu chuẩn để đánh giá phát triển khoa học, công nghệ quốc gia không chỉ là số công trình được nghiên cứu, nghiệm thu mà là số công trình được ứng dụng vào thực tiễn kinh tế, là tác động cụ thể đối với phát triển kinh tế của khoa học, công nghệ.

Để thực hiện được định hướng trên, giải pháp khoa học, công nghệ đối với tăng trưởng công nghiệp cần được chú trọng những vấn đề chủ yếu sau đây:

+ Điều chỉnh việc sử dụng đầu tư cho KH, CN từ ngân sách theo hướng giảm dần bao cấp cho các cơ quan nghiên cứu, chuyển một phần ngân sách sang hỗ trợ nghiên cứu trên cơ sở nghiên cứu được thoả thuận giữa doanh nghiệp với cơ quan nghiên cứu. Tăng cường hỗ trợ việc vận dụng kết quả nghiên cứu vào vận dụng thực tiễn. Ví dụ, hiện nay đã có những kết quả nghiên cứu trong nước về cơ khí nhỏ, thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, chất phụ gia thực phẩm sạch ... dạng thiếu kinh phí để mở rộng ứng dụng.

+ Hỗ trợ cho các chương trình ưu tiên như chương trình tiết kiệm năng lượng, phát triển công nghiệp

phụ trợ, tạo nguyên liệu trong nước v.v...

+ Trên cơ sở phân loại các ngành công nghiệp của Bộ CN và của các địa phương cần phát triển, cần xác định rõ những giải pháp công nghệ tương ứng. Ví dụ, đối ngành dệt may, các biện pháp khoa học, công nghệ cần được ưu tiên : thiết kế sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tạo nguyên liệu trong nước. Hoặc đối với ngành sản xuất kính xây dựng và gạch ceramic hiện nay đang tồn kho với lượng rất lớn. Nguyên nhân cơ bản là công suất thiết cao hơn so với nhu cầu trong nước và chưa tạo được thị trường xuất khẩu. Ví dụ, công suất các nhà máy kính đã xây dựng có công suất 80 triệu m<sup>2</sup>/năm nhưng nhu cầu trong nước một năm chỉ khoảng 60 triệu m<sup>2</sup>. Còn công suất các nhà máy sản xuất gạch ceramic sẽ thừa khoảng 70 triệu m<sup>2</sup> so với nhu cầu hiện nay của thị trường trong nước. Như vậy, yêu cầu của hoạt động KH, CN đối với hai loại sản phẩm nêu trên là thúc đẩy nâng cao chất lượng, hạ thấp chi phí để mở rộng khả năng xuất khẩu.

Xác định hướng ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng KH, CN cho từng nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp. Ví dụ, đối với ngành điện lực việc nghiên cứu KH, CN cần đáp ứng cho nhu cầu cân đối năng lượng theo hướng đa dạng hoá nguồn năng lượng điện, chú trọng qui mô nhỏ cho vùng sâu, vùng xa như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện nhỏ. Đồng thời, ưu tiên hướng nghiên cứu giải pháp KH, CN trong tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt.

+ Thúc đẩy sự hoạt động thường xuyên của chợ công nghệ nhằm tạo ra sự liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các cơ sở công nghiệp.

+ Nhanh chóng chuyển các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ công nghiệp sang mô hình doanh nghiệp khoa học, công nghệ.

+ Chú ý thích đáng đến các giải pháp KH, CN thúc đẩy sản xuất sạch trong CN.

## 5. Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp

Trong những năm gần đây, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp đã có những tiến bộ đáng kể: cơ cấu đào tạo được điều chỉnh, hệ thống thiết bị dạy nghề được tăng cường, phương pháp đào tạo cũng được đổi mới, vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo được tăng cường... Trong thời gian tới, việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp cần chú ý giải quyết những vấn đề sau:

+ Để bắt buộc chuyển hướng hoạt động của các cơ sở đào tạo chuyển hướng hoạt động, cần thay đổi cơ bản cơ chế tài chính của các cơ sở đào tạo theo yêu cầu tự hạch toán. Nguồn thu cơ bản của các cơ sở đào tạo được tạo từ tiền đóng góp của người học và tiền thu từ liên kết đào tạo với các doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở qui hoạch phát triển từng ngành, các doanh nghiệp cùng hiệp hội của ngành xác định nhu cầu đào tạo các loại lao động cho từng ngành nghề, sản phẩm. Thực tế ngành mía đường cho thấy, khi triển khai xây dựng các nhà máy đường và hình thành vùng mía mới bộc lộ tình trạng thiếu lao động một cách rõ nét về số lượng, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cấp bậc cần có v.v...

+ Trong xu hướng chung của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, các doanh nghiệp công nghiệp ngoài Nhà nước càng tăng lên. Nhu cầu đào tạo tăng lên rất nhanh và đa dạng. Việc hình thành các khu công nghiệp lớn ở thành thị, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn đã làm tăng nhu cầu lao động có tính tập trung. Vì thế, cần khuyến khích hình thành các cơ sở đào tạo tại các khu công

nghiệp.

+ Ở nông thôn nước ta, chương trình đào tạo nên phân loại như sau:

Thứ nhất, đối với lao động đang có việc làm nên có cách thức đào tạo theo 2 nhóm chính: Đối với các chủ doanh nghiệp hoặc chủ hộ thủ công có ý chí vươn lên làm giàu, mở rộng kinh doanh và đối với nhóm lao động làm thợ thuần túy. Đối với nhóm chủ doanh nghiệp và chủ hộ cần đào tạo những kiến thức về luật pháp, quản trị kinh doanh... Còn thợ thủ công, cần tổ chức định kỳ nâng cao tay nghề, nhất là khi có yêu cầu cần thay đổi thiết bị, qui trình công nghệ hay mặt hàng mới.

Thứ hai, đối với những người trẻ tuổi nên được đào tạo bài bản để có thể đủ tay nghề, kiến thức tạo việc làm hoặc tham gia làm việc ở thành thị, nông thôn. Còn đối với những người lớn tuổi, tổ chức đào tạo ngắn hạn theo từng việc v.v...

- Dành một phần ngân sách và qui hỗ trợ quốc tế cho đào tạo nguồn nhân lực

## 6. Phát triển thị trường và tiêu thụ hàng công nghiệp

Đại hội X của Đảng cũng đã nêu những mục tiêu chủ yếu của phát triển công nghiệp nước ta. Theo dự kiến của Bộ công nghiệp, ngành công nghiệp sẽ cố gắng chiếm 77-80% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước với mức xuất khẩu 47-50 tỷ USD đến năm 2010 [1]. Trong thời gian tới, ngoài mục tiêu xuất khẩu, hàng hoá công nghiệp nước ta phải từng bước vươn lên chiếm lĩnh thị trường trong nước. Bởi vì, theo yêu cầu hội nhập, hàng công nghiệp của Trung Quốc, Mỹ và nhiều nước khác sẽ bán rất nhiều ở thị trường VN.

Do đó, phát triển thị trường và tổ chức tiêu thụ hàng công nghiệp là vấn đề rất quan trọng nhưng cũng rất phức tạp. Trong thời gian tới, để giải quyết tốt vấn đề thị

trường và tiêu thụ hàng CN, cần thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, theo phương châm: VN sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các quốc gia trên thế giới nhằm tạo điều kiện cho mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường, thu hút thêm nguồn lực và mở rộng thị trường cho ngành CN.

- Ngoài việc duy trì và nâng cao thị phần xuất khẩu ở các thị trường truyền thống, cần phải mở rộng thêm những thị trường mới theo hướng đa dạng hoá thị trường để tăng số lượng hàng xuất khẩu, tăng bền vững của qui mô xuất khẩu.

- Tiếp tục thực hiện các cam kết của VN với WTO, và AFTA, Mỹ, EU.

- Để mở rộng và chiếm lĩnh thị trường, buộc phải tiếp tục điều chỉnh cơ cấu CN và thay đổi cách thức sản xuất công nghiệp theo các yêu cầu sau:

+ Tiếp tục dự báo cơ cấu sản phẩm, mặt hàng theo sát thị trường.

+ Nâng cao chất lượng, hạ thấp chi phí để nâng cao khả năng cạnh tranh.

+ Nâng cao năng lực và hạ thấp chi phí của các ngành các khâu dịch vụ, đầu vào, đầu ra của công nghiệp như các chi phí khởi sự doanh nghiệp, chi phí vận tải, điện, thuê mặt bằng sản xuất v.v...

- Thay đổi về cơ bản phương thức phân phối sản phẩm và hoạt động của thị trường và cách thức phân phối ở thị trường nội địa.

Tóm lại: Nhà nước cần hoàn thiện các chính sách phát triển nhằm khắc phục hữu hiệu các hạn chế trong khu vực công nghiệp thì sẽ đem lại nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế ■

[1] Báo cáo của Bộ công nghiệp

[2] Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XI, 2005, tr 4.